

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST

Ngày: 07-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-DS ngày 01/02/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2022/QĐXXST-DS ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1973. *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà T1, sinh năm 1960. *Có đơn xin vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: ấp A, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Năm 2015 bà có làm chủ hui và bà T1 có tham gia 02 phần hui. Một phần hui 300.000 đồng, mở vào ngày 05/7/2015, hui 15 ngày khui một lần, gồm 35 thành viên. Khui hui được 04 lần đến lần thứ 05 thì bà T1 hốt hui. Đến mãn hui bà T1 còn nợ 7.200.000 đồng. Một phần hui 200.000 đồng, mở vào ngày 16/3/2015, hui 01 tuần khui một lần, gồm 56 thành viên. Dây hui này bà T1 cũng hốt và sau khi mãn hui còn nợ lại 4.000.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hui bà T1 thiếu là 11.200.000

đồng. Bà T1 trả được 2.800.000 đồng, đến nay còn nợ 8.400.000 đồng. Nay yêu cầu bà T1 trả số tiền 8.400.000 đồng.

- *Bị đơn là bà T1 vắng mặt phiên tòa, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2021 bà T1 trình bày:* Bà T1 xác định chỉ có tham gia dây hội tuần 200.000 đồng, tham gia 02 phần, góp hội được 06-07 lần thì bà hót 01 phần. Trừ căn hội sống qua hội chết thì bà T1 còn phải đóng 20 lần. Sau đó bà T gom hàng tuần bà đóng được 2.700.000 đồng và trả nợ thay bà T 500.000 đồng, tổng cộng là được 3.200.000 đồng. Hiện tại chỉ còn thiếu 800.000 đồng. Bà T1 không đồng ý theo yêu cầu của bà T mà chỉ thống nhất trả 800.000 đồng.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà T1 trả số tiền 8.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T và bà T1 có hợp đồng góp hội, bà T làm chủ hội, bà T1 là thành viên, nay có tranh chấp bà T yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

Bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T chỉ yêu cầu bà T1 trả nợ, không yêu cầu gì đối với chồng bà T1 nên Tòa án không cần đưa chồng bà T1 vào tham gia tố tụng.

Các đương sự không ai yêu cầu giám định chữ viết nên Tòa án không trung cầu giám định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý nhưng các đương sự xác định không thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

[2] Bà T có làm chủ hội và bà T1 có tham gia thành viên góp hội. Trong quá trình tham gia xảy ra tranh chấp. Bà T xác định bà T1 có tham gia dây hội 300.000 đồng, đã hót và còn nợ lại dây hội này 7.200.000 đồng và nợ dây hội 200.000 đồng số tiền 4.000.000 đồng. Bà T1 không thừa nhận có tham gia dây hội 300.000 đồng

và xác định chỉ nợ dây hụi 200.000 đồng số tiền 800.000 đồng.

Bà T khởi kiện có cung cấp danh sách những người tham gia các dây hụi, tờ giấy sổ hụi và một số người làm chứng có chơi chung dây hụi. Bà T1 không thừa nhận tờ giấy ghi nợ do bà viết. Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì thêm và không yêu cầu giám định, bà T1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc sau khi hốt hụi đóng lại được bao nhiêu lần, số tiền bao nhiêu.

[3] Trong danh sách dây hụi 300.000 đồng do bà T cung cấp, Tòa án đã tiến hành xác minh thì đa số những người có mặt tại địa phương đều xác định bà T1 có tham gia dây hụi 300.000 đồng và hốt rồi. Trong đó, bà H xác định có trừ cán nợ giữa bà H, bà T1, bà T, cụ thể bà T nợ bà H 2.800.000 đồng, bà H nợ bà T1, còn bà T1 thì nợ tiền hụi bà T nên các bên trừ cán với nhau số tiền 2.800.000 đồng. Khi khởi kiện, bà T cung cấp giấy ghi nợ có nội dung: Tiền trả 2.800.000 đồng, chi thiếu 11.200.000 đồng, chi T1 còn lại 8.400.000 đồng. Nội dung ghi trong tờ giấy nợ này phù hợp với nội dung người làm chứng trình bày.

Từ những phân tích trên, thấy rằng lời trình bày của bà T là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được và đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà T1 trả cho bà T số tiền 8.400.000 đồng.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bà T1 có nghĩa vụ trả nợ nhưng do là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí nên cho bà T1 miễn nộp án phí. Bà T không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91, 92, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về “*họ, hụi, biểu, phường*”; các Điều 6, 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu của bà T. Buộc bà T1 trả cho bà T số tiền 8.400.0000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm: Bà T1 được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006222 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận